

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 36/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 12 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;
bổ sung, phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2024 (lần 2)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 18

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 222/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận
của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung 365.753,263 triệu đồng từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi
ngân sách cấp tỉnh năm 2023 chuyển nguồn sang năm 2024 - nguồn vốn ngoài
cân đối vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; bổ sung,
phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2024 (lần 2), cụ thể như sau:

1. Phân bổ 259,263 triệu đồng để thanh toán khối lượng hoàn thành của 01
dự án đã được phê duyệt quyết toán năm 2024;
2. Phân bổ 79.934 triệu đồng để thực hiện dự án Trụ sở làm việc Công an
tỉnh giai đoạn 3;
3. Phân bổ 120.560 triệu đồng để hỗ trợ đầu tư các cơ sở làm việc công an
xã chính quy giai đoạn 2021-2025;
4. Phân bổ 160.000 triệu đồng hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện: Sơn Động
(50.000 triệu đồng); Lục Ngạn (40.000 triệu đồng), Yên Thế (40.000 triệu đồng),
Hiệp Hoà (30.000 triệu đồng);

5. Phân bổ 5.000 triệu đồng để cấp bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 6 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(Chi tiết tại các Biểu số 1, 1.a, 1.b kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khoá XIX, Kỳ họp thứ 18 thông qua. /

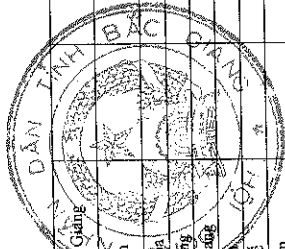
Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIX;
- Thường trực: Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy; HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Lê Thị Thu Hồng



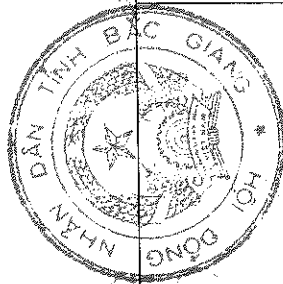
| 1 | Thành phố Bắc Giang | 4.000 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|---|---------|---------|---------|-----------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| 2 | Thị xã Việt Yên | 13.000 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Huyện Hiệp Hòa | 29.500 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Huyện Yên Dũng | 25.000 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Huyện Lạng Giang | 25.000 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Huyện Tân Yên | 30.950 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | Huyện Yên Thế | 27.500 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 8 | Huyện Lục Nam | 38.850 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 9 | Huyện Lục Ngạn | 43.760 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 10 | Huyện Sơn Động | 23.000 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện khó khăn về nguồn lực để thực hiện một số dự án trọng điểm góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương (*) | 267.975 | 150.000 | 117.975 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| I | Hỗ trợ huyện Sơn Động | 69.499 | 50.000 | 19.499 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| I.1 | Xây dựng mới Trường THCS Vĩnh An, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang | 69.499 | 50.000 | 19.499 | 2024-2025 | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Hỗ trợ huyện Lục Ngạn | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.1 | Hỗ trợ kinh phí huyện Lục Ngạn theo Nghị quyết số 233-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về chủ trương sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện và phát triển đô thị trên địa bàn | | | | 2022-2025 | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Hỗ trợ huyện Yên Thế | 84.876 | 70.000 | 14.876 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3.1 | Dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử Quốc gia đặc biệt những di sản khởi nghĩa Yên Thế: Hàng mục GPMB mở rộng và xây dựng các hạng mục phụ trợ Đền thờ Hoàng Hoa Thám và nghĩa quân Yên Thế | 84.876 | 70.000 | 14.876 | 2023-2024 | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Hỗ trợ huyện Hiệp Hòa để thực hiện các tiêu chí đô thị loại IV năm 2024 | 113.600 | 30.000 | 83.600 | | | | | | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|---|--|--------|--------|--------|-----------|--------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|-------|-------|
| 4.1 | Xây dựng đường giao thông xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa | 3087/QĐ-UBND, 18/12/2023; 1804/QĐ-UBND, 05/06/2024 | 16.000 | 5.000 | 11.000 | 2024-2026 | | | | | | | | | | | | | | 5.000 | 5.000 |
| 4.2 | Xây dựng đường giao thông xã Đoàn Bái, huyện Hiệp Hòa | 5120/QĐ-UBND, 18/12/2023; 1805/QĐ-UBND, 05/06/2024 | 16.500 | 5.000 | 11.500 | 2024-2026 | | | | | | | | | | | | | | 5.000 | 5.000 |
| 4.3 | Xây dựng đường giao thông xã Thái Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang | 5126/QĐ-UBND, 19/12/2023; 1806/QĐ-UBND, 05/06/2024 | 24.000 | 7.000 | 17.000 | 2024-2026 | | | | | | | | | | | | | | 7.000 | 7.000 |
| 4.4 | Xây dựng đường giao thông xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa. | 5117/QĐ-UBND, 18/12/2023; 1807/QĐ-UBND, 05/06/2024 | 17.000 | 5.000 | 12.000 | 2024-2026 | | | | | | | | | | | | | | 5.000 | 5.000 |
| 4.5 | Xây dựng đường giao thông thị trấn Bắc Lý, Xuân Cẩm, huyện Hiệp Hòa. | 5134/QĐ-UBND, 19/12/2023; 1808/QĐ-UBND, 05/06/2024 | 16.500 | 4.000 | 12.500 | 2024-2026 | | | | | | | | | | | | | | 4.000 | 4.000 |
| 4.6 | Xây dựng đường giao thông các xã Hương Lâm, Mai Đình, huyện Hiệp Hòa | 5095/QĐ-UBND, 18/12/2023; 1809/QĐ-UBND, 05/06/2024 | 14.600 | 2.000 | 12.600 | 2024-2026 | | | | | | | | | | | | | | 2.000 | 2.000 |
| 4.7 | Xây dựng đường giao thông xã Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang | 5096/QĐ-UBND, 18/12/2023; 1810/QĐ-UBND, 05/06/2024 | 9.000 | 2.000 | 7.000 | 2024-2026 | | | | | | | | | | | | | | 2.000 | 2.000 |
| V | Hỗ trợ cấp bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bắc Giang | 32/NQ-HUBND, 06/06/2024; 562/QĐ-UBND, 17/06/2024 | 50.900 | 35.000 | | 2024-2028 | 15.500 | | | | | | | | | | | | | 5.000 | 5.000 |

Ghi chú: (*) Các huyện được hỗ trợ bổ sung kế hoạch, đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 thực hiện phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư công hỗ trợ năm 2024 cho các dự án đủ điều kiện, thu theo quy định của Luật Đầu tư công, pháp luật về đầu tư có liên quan và đảm bảo không để phát sinh nợ đọng XDDB.

DANH MỤC BỔ SUNG, PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN THANH TOÁN CÁC DỰ ÁN QUYẾT TOÁN NĂM 2024 (Đợt 2)
 (Nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh)

(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

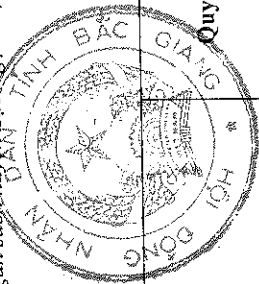


| STT | Đanh mục dự án | Chủ đầu tư | Thời gian KC - HT | Quyết định phê duyệt quyết toán | Nguồn vốn | Tổng dự toán được duyệt | Chi phí đầu tư được quyết toán | Số vốn đã bố trí thực hiện (các nguồn vốn) | Đơn vị: Triệu đồng | | | |
|-----|---|---------------------|-------------------|--|---------------|-------------------------|--------------------------------|--|---|---|--------------------------------------|---|
| | | | | | | | | | Tổng các khoản công nợ tại thời điểm phê duyệt quyết toán | Công nợ NSNN phải trả NSNN sau quyết toán | Công nợ phải trả NSNN sau quyết toán | Kế hoạch vốn đã trả nợ sau khi quyết toán |
| | | | | | | 13.122,42 | 11.106,07 | 10.453,706 | 655,557 | | | 259,263 |
| | Tổng | | | | | | | | | | | |
| 1 | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông các xã Hoàng An, Hoàng Lương, Thái Sơn, Đại Thành và Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang | UBND huyện Hiệp Hòa | 7/2020-02/2023 | 467/QĐ-STC ngày 25/12/2023 của Giám đốc Sở Tài chính | NSTW, NS tỉnh | 13.122,42 | 11.106,07 | 10.453,706 | 655,557 | | | 259,263 |

Biểu số 01.b

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN HỖ TRỢ BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025, KẾ HOẠCH NĂM 2024
(Từ các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2023 chuyển nguồn sang năm 2024 và bổ sung cho đầu tư năm 2024 lần 2, đợt 1 - nguồn vốn ngoài cân đối)

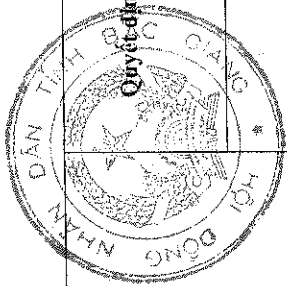
(Hỗ trợ ngân sách Huyện Lục Ngạn thực hiện các dự án để khắc phục các tiêu chí còn thiếu và chưa đạt chuẩn tiến tới đề nghị công nhận đô thị Chủ mở rộng đạt chuẩn đô thị loại IV theo Nghị quyết số 233-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Giang)



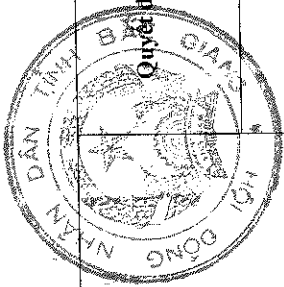
(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HDND ngày 12/7/2024 của HDND tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

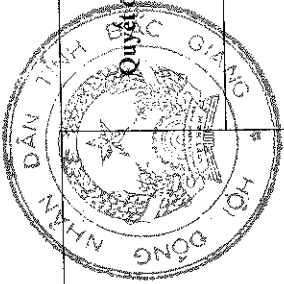
| STT | Danh mục dự án | Quyết định phê duyệt CTĐT; dự án đầu tư/BCKTKT | | | | Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025 (nguồn vốn ngân sách tỉnh) | | | Kế hoạch vốn năm 2023 đã phân bổ | | | Kế hoạch vốn năm 2024 đã giao | | Đơn vị tính: Triệu đồng. | |
|-----|--|---|-----------------|-----------------------|---|--|----------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|-------------------------------|-----------|--------------------------|--|
| | | Số quyết định, ngày, tháng, năm | Tổng mức đầu tư | Trong đó: | | Tổng số | Trong đó chia ra chi tiết: | | Tổng số | Trong đó chia ra chi tiết: | | Tổng số (các nguồn vốn) | Trong đó: | | Bổ sung kế hoạch trung hạn 2021-2025 và bổ sung, phân bổ chi tiết vốn năm 2024 |
| | | | | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Ngân sách huyện và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác | | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Ngân sách tỉnh năm 2023 (đã giao) | | Ngân sách tỉnh năm 2024 (đã giao) | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | | | | |
| | TỔNG CỘNG | | 284.652 | 122.400 | 162.252 | 82.400 | 35.900 | 46.500 | 35.900 | 25.200 | 10.700 | 48.500 | 46.500 | 40.000 | |
| * | Các dự án triển khai giai đoạn 2023-2025 | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Trung tâm liên hợp thể thao huyện Lục Ngạn (giai đoạn 1) | 621/QĐ-UBND, 31/5/2024; 1411/QĐ-UBND, 11/6/2024 | 32.268 | 17.500 | 14.768 | 13.500 | | 13.500 | | | | 13.500 | 13.500 | 4.000 | |
| 2 | Trung tâm liên hợp thể thao huyện Lục Ngạn (giai đoạn 2) | 628/QĐ-UBND, 31/5/2024; 1420/QĐ-UBND, 11/6/2024 | 14.950 | 4.000 | 10.950 | | | | | | | 2.000 | | 4.000 | |



| STT | Danh mục dự án | Số quyết định, ngày, tháng, năm | Tổng mức đầu tư | Trong đó: | | Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025 (nguồn vốn ngân sách tỉnh) | | | Kế hoạch vốn năm 2023 đã phân bổ | | | Kế hoạch vốn năm 2024 đã giao | | Bổ sung kế hoạch trung hạn 2021-2025 và bổ sung, phân bổ chi tiết vốn năm 2024 |
|-----|--|---|-----------------|-----------------------|---|--|--|--|----------------------------------|-----------------------|---------|-------------------------------|-----------|--|
| | | | | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Ngân sách huyện và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác | Tổng số | Ngân sách tỉnh hỗ trợ năm 2023 (đã giao) | Ngân sách tỉnh hỗ trợ năm 2024 (đã giao) | Tổng số | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Chia ra | Tổng số (các nguồn vốn) | Trong đó: | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Xây dựng công viên trung tâm huyện Lục Ngạn (giai đoạn I) | 603/QĐ-UBND, 28/5/2024; 1412/QĐ-UBND, 11/6/2024 | 45.000 | 15.000 | 30.000 | 10.000 | 10.000 | 10.000 | - | - | 10.000 | 10.000 | 10.000 | 5.000 |
| 4 | Lát vỉa hè, lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tuyến đường QL31 (đoạn Phương Sơn - Thị trấn Chũ - Hồng Giang) | 991a/QĐ-UBND, 09/11/2023; 623/QĐ-UBND, 31/5/2024; 1413/QĐ-UBND, 11/6/2024 | 64.330 | 34.000 | 30.330 | 15.000 | 6.000 | 15.000 | 15.000 | 15.000 | 15.000 | 6.000 | 6.000 | 13.000 |
| 5 | Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tuyến TL289 và TL289 kéo dài, đoạn Nam Dương - Trù Hựu | 624/QĐ-UBND, 31/5/2024; 1414/QĐ-UBND, 11/6/2024 | 18.000 | 9.200 | 8.800 | 6.200 | 6.000 | 200 | 200 | 200 | 200 | 200 | 6.000 | 3.000 |
| 6 | Chỉnh trang, cải tạo tuyến đường Dã Tượng và tuyến đường từ ngã ba Trung Nghĩa đi Tô dân phố Nghĩa, thị trấn Chũ | 625/QĐ-UBND, 31/5/2024; 1415/QĐ-UBND, 11/6/2024 | 14.700 | 8.000 | 6.700 | 7.000 | 1.500 | 5.500 | 5.500 | 5.500 | 5.000 | 1.500 | 1.500 | 1.000 |



| STT | Danh mục dự án | Quyết định phê duyệt CĐTĐT; dự án đầu tư/BCKTKT | | | Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025 (nguồn vốn ngân sách tỉnh) | | | Kế hoạch vốn năm 2023 đã phân bổ | | | Kế hoạch vốn năm 2024 đã giao | | Bổ sung kế hoạch trung hạn 2021-2025 và bổ sung, phân bổ chi tiết vốn năm 2024 | |
|-----|--|---|-----------------|-----------------------|--|--|--|----------------------------------|-----------------------|---|-------------------------------|-------------------------|--|-----------|
| | | Số quyết định, ngày, tháng, năm | Trong đó: | | Tổng số | Ngân sách tỉnh hỗ trợ năm 2023 (đã giao) | Ngân sách tỉnh hỗ trợ năm 2024 (đã giao) | Tổng số | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Trong đó chia ra chi tiết: | | Tổng số (các nguồn vốn) | | Trong đó: |
| | | | Tổng mức đầu tư | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | | | | | | Ngân sách huyện và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác | Chia ra | | | |
| 7 | Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường (tuyến Phạm Ngũ Lão, tuyến Yết Kiêu và tuyến từ ngã Tư truyền Hình vào chùa Khánh Vân), thị trấn Chũ | 626/QĐ-UBND, 31/5/2024; 1416/QĐ-UBND, 11/6/2024 | 9.404 | 5.300 | 4.104 | 4.800 | 4.800 | 4.800 | 4.800 | 4.500 | 300 | 4.800 | - | 500 |
| 8 | Trạm xử lý nước thải sinh hoạt khu vực, lưu vực thị trấn Chũ (giai đoạn 1) | 992b/QĐ-UBND, 09/11/2023; 605a/QĐ-UBND, 28/5/2024 | 55.000 | 11.000 | 44.000 | 3.500 | 3.500 | - | - | - | - | 3.500 | 3.500 | 7.500 |
| 9 | Cải tạo, nâng cấp cầu Suối Bông, xã Thanh Hải | 627/QĐ-UBND, 31/5/2024; 1417/QĐ-UBND, 11/6/2024 | 11.000 | 6.900 | 4.100 | 400 | 6.400 | 400 | 400 | 400 | 400 | 6.000 | 6.000 | 500 |
| 10 | Cải tạo, mở rộng mặt đường trục thôn khu trung tâm, xã Nam Dương | 604/QĐ-UBND, 28/5/2024; 1418/QĐ-UBND, 11/6/2024 | 5.500 | 3.500 | 2.000 | 3.000 | 3.000 | 3.000 | 3.000 | 3.000 | 3000 | 3.000 | - | 500 |



| STT | Danh mục dự án | Số quyết định, ngày, tháng, năm | Trong đó: | | Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025 (nguồn vốn ngân sách tỉnh) | Kế hoạch vốn năm 2023 đã phân bổ | | | Kế hoạch vốn năm 2024 đã giao | | Bổ sung kế hoạch trung hạn 2021-2025 và bổ sung, phân bổ chi tiết vốn năm 2024 | | |
|-----|--|---|-----------------|-----------------------|--|---|----------------------------|------------------|-------------------------------|-----------|--|-----------------------|---------|
| | | | Tổng mức đầu tư | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | | Ngân sách huyện và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác | Trong đó chia ra chi tiết: | | Tổng số | Trong đó: | | | |
| | | | | | | | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Ngân sách hồ trợ | | | | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Chia ra |
| 11 | Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Quý Sơn (đường ĐH86) | 622/QĐ-UBND, 31/5/2024; 1419/QĐ-UBND, 11/6/2024 | 14.500 | 8000 | 6500 | 7.000 | 7.000 | 7.000 | 500 | 6500 | 7.000 | - | 1000 |

Ghi chú: UBND huyện Lục Ngạn được hỗ trợ bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 thực hiện phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư công hỗ trợ năm 2024 cho các dự án đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công, pháp luật về đầu tư có liên quan và đảm bảo không để phát sinh nợ đọng XDDB.